

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11-11-2024
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và
cấp dưỡng nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phương

2. Ông Đinh Văn Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Như T - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 406/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phan Văn D, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn T1 - Luật sư của Công ty L, thuộc đoàn luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: A D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: đường H, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày được tóm tắt như sau:**

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào năm 2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2023 đến nay, không qua lại gì.

Đầu năm 2023, bà Đặng Thị Ngọc H đã chủ động khởi kiện ly hôn với ông Phan Văn D. Ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng đưa vụ án ra xét xử vụ, tại phiên tòa bà Đặng Thị Ngọc H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và con chung. Các vấn đề về tài sản chung và nợ chung được giải quyết theo theo Quyết định số: 15/2022/QĐST-DS, Bản án sơ thẩm số 33/2023/HNGD-ST của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới và Bản án phúc thẩm số: 04/2024/HNGĐ-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Nguyên đơn ông Phan Văn D xác định cuộc sống chung không thể kéo dài, thực tế không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2023 đến nay, mục đích hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị Ngọc H.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 03 người con chung, tên Phan Thị Thùy T2, sinh ngày 22/11/2005; Phan Thị Thanh B, sinh ngày 22/8/2010 và Phan Thế Q, sinh ngày 10/11/2012. Hiện nay, các con đang sống cùng bà Đặng Thị Ngọc H tại thành phố L, tỉnh Đồng Nai nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giao cả 03 con cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông Phan Văn D sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị Thanh B và Phan Thế Q, mỗi cháu 5.000.000đ/1 tháng (02 cháu 10.000.000đ/1 tháng) cho đến khi cháu B và cháu Q trưởng thành. Đối với Phan Thị Thùy T2, sinh ngày 22/11/2005 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đã giải quyết bằng vụ án khác đã có hiệu lực pháp luật đang được thi hành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Ngọc H có văn bản trình bày nội dung được tóm tắt như sau:**

Bà Đặng Thị Ngọc H xác định bà và ông Phan Văn D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 27/01/2005. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng và không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2022 đến nay. Về con chung có 03 con chung, tên Phan Thị Thùy T2, sinh ngày 22/11/2005; Phan Thị Thanh B, sinh ngày 22/8/2010 và Phan Thế Q, sinh ngày 10/11/2012, hiện các cháu đều đang sinh sống cùng với bà H tại thành phố L, tỉnh Đồng Nai, các cháu rất ngoan và hiếu chuyện. Theo bà H thì ông Phan Văn D xin ly hôn nhằm trốn tránh việc đóng góp nuôi con và gây khó khăn cho việc nuôi dạy các con. Để đảm bảo quyền lợi và bà vẫn muốn duy trì cuộc sống gia đình nên bà H không đồng ý việc ông D xin ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hiện tại bà và ông Phan Văn D đang trong quá trình giải quyết tài sản chung, nợ chung theo các Bản án/quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và tài sản chung là vốn góp của vợ chồng tại Công ty TNHH X.

* Về tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp các đương sự theo quy định pháp luật như sau: 1.) Tập hồ sơ do Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng

Bình chuyển đến bao gồm 211 bút lục, các đương sự đã được sao chụp trong quá trình giải quyết vụ án. 2.) Tập tài liệu, chứng cứ tiếp theo bắt đầu từ Bút lục số 212, bao gồm: 2.1) Tài liệu chứng cứ do ông D và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông D cung cấp: Bản chính: Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt và bản tự khai của ông Phan Văn D; văn bản trình bày và đơn xin vắng mặt của ông Dương Văn T1; đơn trình bày của ông Phan Văn D; Bản pho to: quyết định CNSTT của các đương sự số 15/2022 ngày 08/9/2022; Bản án số 33/2023/HNGĐ ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới; Bản án số 04/2024/HNGĐ ngày 01/03/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 395 ngày 24/3/2023 và số 531 ngày 31/5/2018 của CCTHADS thành phố Đ; Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 03 ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới; quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2017/QĐST-KDTM ngày 07/12/2017; Bản sao Bản án số 33/2023/HNGĐ ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới; Bản án số 04/2024/HNGĐ ngày 01/03/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. 2.2) Tài liệu, chứng cứ do bị đơn bà Đặng Thị Ngọc H cung cấp, giao nộp: Bản chính Bản tự khai; Đơn xin sao chụp tài liệu và đơn trình bày của bà Đặng Thị Ngọc H.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn D, cho ông Phan Văn D được ly hôn với bà Đặng Thị Ngọc H. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Thị Thanh B, sinh ngày 22/8/2010 và Phan Thế Q, sinh ngày 10/11/2012 cho bà Đặng Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Văn D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ/1 tháng/ 1 con (02 con 10.000.000đ/1 tháng). Đối với Phan Thị Thùy T2, sinh ngày 22/11/2005 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không có yêu cầu gì nên không xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Phan Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị Ngọc H và yêu cầu giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn sẽ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 25/9/2023, ông Phan Văn D nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà H tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện ngày 25/9/2023 (Bút lục 15); bà H trước đây có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, bà H đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân thành phố L, tỉnh Đồng Nai giải quyết vì bà không còn cư trú tại thôn Đ, xã Đ, thành phố Đ từ đầu năm 2023 đến nay. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 24/7/2023, bà Đặng Thị Ngọc H thực hiện khai báo cư trú cho 4 nhân khẩu gồm bà H và 03 con tại tổ B, khu phố P, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (Bút lục 179), đến ngày 28/12/2023 bà H có đăng ký thường trú lập hộ mới tại tổ A, khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai và sinh sống tại phường B từ đó cho đến nay. (Các bút lục 15; 142; 169; 179; 190).

Như vậy, bà Đặng Thị Ngọc H là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh Đồng Nai, là người bị nguyên đơn khởi kiện nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị vắng mặt; bị đơn được triệu tập 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là từ nhiều lý do khác nhau, vợ chồng không còn hòa hợp, không còn tin tưởng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể nào hàn gắn được và không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa, thực tế từ năm 2023 đến nay nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống với nhau, nguyên đơn sinh sống tại Quảng Bình, bị đơn sinh sống tại thành phố L. Điều này được bị đơn thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Bà Đặng Thị Ngọc H xác định bà đã chuyển vào sinh sống tại thành phố L, tỉnh Đồng Nai từ đầu năm 2023 cho đến nay (**Các bút lục 89; 109; 131; 144**).

Bị đơn không đồng ý ly hôn vì cho rằng để đảm bảo quyền lợi cho các con nên muốn duy trì mối quan hệ gia đình với bị đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai nhận của bị đơn, xác định được thực tế cuộc sống chung của bị đơn và nguyên đơn có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, bị đơn đã cùng 03 con không còn chung sống với nguyên đơn từ đầu

năm 2023 cho đến nay. Do đó, đời sống hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không còn đảm bảo tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Bản thân bị đơn cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân quá căng thẳng, hạnh phúc gia đình không còn khả năng hàn gắn nên ngày 25/01/2023 bà Đặng Thị Ngọc H đã có đơn khởi kiện ly hôn với ông Phan Văn D tại Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nhằm đảm bảo cuộc sống riêng của mỗi người (Bút lục 76). Tại phiên tòa xét xử vụ án bà đã rút phần khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con. Kể từ đó nguyên đơn và bị đơn vẫn mỗi người sống một nơi và cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Do đó, việc bị đơn cho rằng bị đơn không muốn ly hôn với nguyên đơn vì muốn duy trì mối quan hệ gia đình là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định như trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[4.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Nguyên đơn và bị đơn xác định quá trình chung sống có 03 con chung, tên Phan Thị Thùy T2, sinh ngày 22/11/2005; Phan Thị Thanh B, sinh ngày 22/8/2010 và Phan Thế Q, sinh ngày 10/11/2012, hiện các cháu đang sinh sống, đi học ổn định cùng với bà Đặng Thị Ngọc H tại thành phố L. Bà Đặng Thị Ngọc H cũng cho biết các cháu hiện đang sinh sống cùng với bà, các cháu rất ngoan và hiểu chuyện, các cháu còn là nguồn động viên và là chỗ dựa tinh thần cho bà; nguyện vọng của cháu Q và cháu B cũng muốn tiếp tục được ở với mẹ là bà Đặng Thị Ngọc H khi ông D và bà H ly hôn. Do đó để không làm xáo trộn cuộc sống ổn định của các cháu cũng như đảm bảo quyền lợi cho các cháu và bà H nên cần tiếp tục giao cháu Q và cháu B cho bà Đặng Thị Ngọc H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và ông D phải cấp dưỡng nuôi con cho bà Đặng Thị Ngọc H là phù hợp. Đối với con tên Phan Thị Thùy T2, sinh ngày 22/11/2005 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đ cho cả 03 con (Bút lục số 88), nguyên đơn đồng ý cấp dưỡng cho bà H số tiền nuôi các con là 10.000.000đ/1 tháng. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật con chung tên Phan Thị Thùy T2, sinh ngày 22/11/2005 đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên ông D đã sửa lại đề nghị được cấp dưỡng 10.000.000đ/1 tháng để nuôi con dưỡng cháu Phan Thị Thanh B và Phan Thế Q, nhằm vẫn đảm bảo số tiền ông D cấp dưỡng cho bà H nuôi dưỡng các con là 10.000.000đ/1 tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của bà H và ý kiến của ông D phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 82; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận ông D sẽ cấp dưỡng cho bà H số tiền 10.000.000đ/1 tháng để bà H nuôi dưỡng cháu Phan Thị Thanh B, sinh ngày 22/8/2010 và Phan Thế Q, sinh ngày 10/11/2012 cho đến khi các cháu trưởng thành.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Nguyên đơn cho rằng đã giải quyết bằng vụ án khác đã có hiệu lực pháp luật đang được thi hành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn cho biết bà và ông Phan Văn D đang trong quá trình giải quyết tài sản chung, nợ chung theo các Bản án/quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và tài sản chung là vốn góp của vợ chồng tại Công ty TNHH X. Cả nguyên đơn và bị đơn đều không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84; Điều và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn D đối với bị đơn bà Đặng Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn D được ly hôn với bà Đặng Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Thanh B, sinh ngày 22/8/2010 và Phan Thế Q, sinh ngày 10/11/2012 cho bà Đặng Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Văn D cấp dưỡng cho bà Đặng Thị Ngọc H nuôi dưỡng cháu Phan Thị Thanh B, sinh ngày 22/8/2010 và Phan Thế Q, sinh ngày 10/11/2012 mỗi cháu số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) /1 tháng; (10.000.000đ/1 tháng cho cả hai cháu). Thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bà Đặng Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Văn D chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm

khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, ông Phan Văn D được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết ông Phan Văn D và bà Đặng Thị Ngọc H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông Phan Văn D đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001673 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Ông Phan Văn D phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TPLK;
- Chi cục THA TPLK;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (số 07/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Thị Hoa

